

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2020.
(V/v: Ly hôn).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Đô.

2/ Bà Lưu Thị Thôi.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 415/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/8/2020 về việc “*Ly hôn (không đăng ký kết hôn)*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 465/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 471/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/9/2020 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kiều M – sinh năm 1999 (Có mặt).

Nơi cư trú: khu phố 4, phường Đ T, thành phố P, tỉnh Bình Th.

Bi đơn: Ông Nguyễn Hữu Đ – sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: khu phố 10, phường Phú T, thành phố P, tỉnh Bình Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại nội dung đơn kiện, bản khai nguyên đơn trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: bà M và ông Nguyễn Hữu Đ tự tìm hiểu, quen biết nhau, chung sống năm 2015 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống: thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, hạnh phúc và sinh được 02 con chung. Đến năm 2018, sau khi sinh con thứ 2 thì ông Đ thay đổi tính tình, chơi với bạn bè xấu, sử dụng chất kích thích, không quan tâm đến gia đình, vợ con nên từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Mặc dù bà M đã nhiều lần khuyên can nhưng ông Đ vẫn không thay đổi nên vợ chồng tự sống xa nhau gần 2 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà M xác định tình cảm vợ chồng đối với ông Đ không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ, nhưng do vợ chồng chung sống không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án xử theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 cháu tên Nguyễn Kiều Phương U (nữ) – sinh ngày 05/01/2016 và Nguyễn Kiều Phương V (nữ) – sinh ngày 11/01/2018. Sau khi ly hôn bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà M trình bày: vẫn giữ ý kiến đã trình bày, bà M xác định hiện nay tình cảm vợ chồng với ông Đ không còn, vợ chồng không còn thương yêu, tin tưởng nhau và đã tự sống xa nhau 02 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ nhưng do vợ chồng chung sống không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án xử theo quy định của pháp luật. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: vẫn giữ ý kiến đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì thêm.

*** Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Hữu Đ nhưng vẫn vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của ông Đ về yêu cầu xin ly hôn của bà M .**

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:** Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau :

- Về tố tụng: từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Tại phiên tòa hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật và chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Viện kiểm sát thấy rằng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã thể hiện rõ nên đề nghị HĐXX xử như sau:

Về hôn nhân, ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Kiều M chung sống với nhau từ năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn và đã tự quyết định sống xa nhau gần 2 năm, không ai quan tâm đến ai. Nay bà M làm đơn khởi kiện xin ly hôn, ông Đ không đến Tòa nên không thể hiện ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà M , nhưng do ông bà chung sống không đăng ký kết hôn nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiếu xác minh ngày 27/8/2020 của UBND phường Đ , thành phố P (nơi cư trú của bà M) và UBND phường P, thành phố P (nơi cư trú của ông Đ) xác nhận ông Đ và bà M chưa đăng ký kết hôn hợp pháp tại địa phương nên căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà M là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Ông Đức, bà M có 02 con chung tên Nguyễn Kiều Phương U (nữ) – sinh ngày 05/01/2016 và Nguyễn Kiều Phương V (nữ) – sinh ngày 11/01/2018. Sau khi ly hôn bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, xét thấy, hiện nay 02 con chung là Phương U và Phương V còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị Vĩnh V (là mẹ ruột của ông Nguyễn Hữu Đ) có ý kiến yêu cầu Tòa án cho ông Đ nuôi dưỡng cháu Nguyễn Kiều Phương V và không yêu cầu bà M cấp dưỡng tiền nuôi con, nhưng xét thấy cháu Phương V hiện chưa đủ 36 tháng tuổi nên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi phải giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy nên đề nghị HĐXX giao 02 con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Do bà M không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi con nên VKS không có ý kiến.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện Kiểm sát không có ý kiến.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Thiết, hội đồng xét xử nhận định :

*** Về tố tụng dân sự:** Bà Nguyễn Kiều M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Bị đơn là ông Nguyễn Hữu Đ hiện cư trú tại khu phố 10, phường P, thành phố P, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ, nhưng ông Nguyễn Hữu Đ vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Kiều M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau nên ông bà tự quyết định sống xa nhau gần 02 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đ, nhưng do ông bà chung sống không đăng ký kết hôn nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về phía ông Đ, sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Đ vẫn vắng mặt và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của bà M .

Xét yêu cầu trên, HĐXX thấy rằng: ông Đ và bà M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, cho đến nay là một khoảng thời gian dài, ông bà đã có 02 con chung và đến thời điểm đủ điều kiện để kết hôn nhưng ông bà cũng không cùng

tạo điều kiện đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì vậy căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Kiều M là quan hệ vợ chồng.

- **Về con chung:** Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Kiều Phương U (nữ) – sinh ngày 05/01/2016 và Nguyễn Kiều Phương V (nữ) – sinh ngày 11/01/2018. Sau khi ly hôn bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung xét thấy, hiện nay các cháu còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ và cần chung sống với nhau để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của các con. Mặc khác, hiện nay cháu Phương V (nữ) – sinh ngày 11/01/2018 chưa đủ 36 tháng tuổi nên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình thì phải giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy nên chấp nhận yêu cầu của bà M : giao 02 con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Nếu sau này bà M nuôi con không tốt, không đảm bảo được sự phát triển toàn diện cho các con thì ông Đ được quyền làm đơn thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- **Về tiền cấp dưỡng nuôi con:** Do bà M không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi con nên HĐXX không xét.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Do bà M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

- **Về án phí:** Bà M phải chịu 300.000 đồng án phí về việc xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Kiều M là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Kiều Phương U (nữ) – sinh ngày 05/01/2016 và Nguyễn Kiều Phương V (nữ) – sinh ngày 11/01/2018 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Bà M không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

- Về án phí: Bà Nguyễn Kiều M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ngày 19/8/2020 bà M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu theo biên lai số 0007828, nay chuyển sang án phí và sung công quỹ nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, bà M có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/9/2020), ông Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân Phan Thiết
- Tòa án tỉnh Bình Thuận
- Thi hành án dân sự Phan Thiết
- Lưu

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Mai Thị Huân